

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Hà Nội, tháng 07 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/07/2018)

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Điều hành đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Công ty cho Ban Điều hành.



Vũ Cẩm Lệ Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		741.295.909.627	552.472.723.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	443.227.226.272	270.700.519.343
1. Tiền	111		293.227.226.272	270.700.519.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.951.601.133	264.319.592.809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	43.688.817.852	12.710.477.316
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	147.401.091.372	130.170.888.538
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	57.761.691.909	121.338.226.955
III. Hàng tồn kho	140	9	5.013.380.457	4.896.850.971
1. Hàng tồn kho	141		5.013.380.457	4.896.850.971
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.103.701.765	12.555.759.906
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	43.676.661.620	12.491.136.843
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		426.040.145	64.623.063
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.000.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.342.980.839.552	1.314.393.390.557
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.169.034.119	22.267.658.795
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	30.169.034.119	22.267.658.795
II. Tài sản cố định	220		376.850.865.479	389.962.198.755
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	143.687.963.110	156.762.552.607
- Nguyên giá	222		177.432.496.409	174.391.137.522
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.744.533.299)	(17.628.584.915)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	233.162.902.369	233.199.646.148
- Nguyên giá	228		247.379.539.389	243.224.323.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.216.637.020)	(10.024.677.227)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	81.987.623.956	1.490.153.090
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		81.987.623.956	1.490.153.090
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	281.681.769.666	281.402.030.839
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		281.161.482.666	280.894.253.839
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(78.813.000)	(91.323.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		572.291.546.332	619.271.349.078
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	59.754.778.721	78.014.573.245
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		363.287.671	363.287.671
3. Lợi thế thương mại	269	15	512.173.479.940	540.893.488.162
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.084.276.749.179	1.866.866.113.586

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		991.256.147.208	732.924.093.069
I. Nợ ngắn hạn	310		697.192.919.851	657.371.930.475
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	31.084.832.113	26.915.343.981
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		70.732.431.995	52.676.162.281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	27.653.478.583	53.728.845.012
4. Phải trả người lao động	314		43.499.387.630	43.955.617.803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	117.437.186.232	80.874.714.505
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	206.052.401.493	251.925.203.534
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.605.333.658	4.310.607.999
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	197.127.868.147	142.985.435.360
II. Nợ dài hạn	330		294.063.227.357	75.552.162.594
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		540.247.252	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	34.224.869.461	13.946.774.479
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	54.178.311.940	61.605.388.115
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	22	205.119.798.704	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.093.020.601.971	1.133.942.020.517
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.093.020.601.971	1.133.942.020.517
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		688.800.000.000	688.800.000.000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		688.800.000.000	688.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		90.074.070.000	90.074.070.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		256.160.381	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.787.573.551	171.782.178.169
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		102.262.896.650	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.524.676.901	160.216.172.955
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		206.102.798.039	183.285.772.348
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.084.276.749.179	1.866.866.113.586



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHI TIẾT	Nb số	Thuyết minh	Quý III/2018	Quý III/2017	Lũy kế 6 tháng 2018	Lũy kế 6 tháng 2017	Đơn vị: VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		230,132,323,508	71,938,805,926	437,327,762,100	83,977,005,926	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16,100,000	434,000,000	16,100,000	434,000,000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02)	10	24	230,116,223,508	71,504,305,926	437,311,662,100	83,542,505,926	
4. Giá vốn hàng bán	11	25	143,942,475,642	16,830,298,377	263,379,583,563	16,830,298,377	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	26	86,173,747,866	54,674,007,549	173,932,078,537	66,712,207,549	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6,651,332,115	108,097,124,922	10,044,068,336	108,098,443,463	
7. Chi phí tài chính	22	27	7,059,513,838	556,030,055	12,065,556,950	556,030,055	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,963,165,838	-	11,975,463,950	-	
8. Lợi(ô) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		267,228,827	-	267,228,827	-	
9. Chi phí bán hàng	25	28	48,873,606,796	14,239,968,912	98,047,390,624	14,239,968,912	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	25,448,174,224	5,790,037,709	56,005,993,125	6,822,637,418	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		11,711,013,950	142,185,095,795	18,124,435,001	153,192,019,627	
11. Thu nhập khác	31		3,107,434,641	39,011,531	8,826,748,417	39,011,531	
12. Chi phí khác	32		2,759,895,791	116,401	5,543,464,532	116,401	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		347,538,850	38,895,130	3,283,283,885	38,895,130	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12,058,552,800	142,223,990,925	21,407,718,886	153,230,914,757	
15. Chi phí thuế TNCN hiện hành	51	30	5,615,226,660	9,622,610,124	10,777,561,739	11,823,994,890	
16. Chi phí thuế TNCN hoãn lại	52		-	-	-	-	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		6,443,326,140	132,601,380,801	10,630,157,147	141,406,919,867	
16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		3,475,772,268	137,058,004,084	5,524,676,901	137,058,004,084	
16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,967,553,872	4,348,915,783	5,105,480,246	4,348,915,783	
17. Lợi nhuận sau thuế của đơn vị liên kết	70	31	50,46	1,989,81	80,21	3,847,59	



(Handwritten signature)

Vũ Cẩm Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Nguyễn Thị Hải
 Người lập



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.407.718.886	153.230.914.757
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	49.027.916.399	5.455.562.723
- Các khoản dự phòng	03	(12.510.000)	87.570.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.311.297.163)	(107.899.037.033)
- Chi phí lãi vay	06	11.895.463.950	27.791.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	72.007.292.072	50.902.802.114
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(55.567.650.159)	144.495.365.038
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(116.529.486)	2.190.286.148
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	34.848.698.217	(22.232.100.031)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.925.730.253)	4.236.374.126
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.234.656.450)	(340.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.364.885.504)	(2.785.230.592)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(927.736.074)	(2.906.794.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	718.802.363	173.900.361.919
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(103.176.964.324)	(3.207.150.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	366.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(469.400.000.000)	(43.910.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	469.400.000.000	128.111.203.190
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(175.656.104.520)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	69.955.790.000	254.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.019.109.543	8.847.428.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.202.064.781)	(85.193.723.567)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	18.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	424.567.581.282	229.246.739.603
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(172.476.265.585)	(106.375.317.466)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.081.346.350)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	202.009.969.347	122.871.422.137
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	172.526.706.929	211.578.060.489
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	270.700.519.343	2.225.444.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	443.227.226.272	213.803.505.064



Vũ Cẩm Hà Dương
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty là 688.800.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Tp. Hà Nội	53,83%	53,83%	Giáo dục mầm non
3	Công ty TNHH Apax Franklin Academy	Tp. Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

Danh sách công ty liên kết do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty cổ phần Đầu tư EduLand	Tp. Hà Nội	13,78%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

Danh sách các công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax sở hữu (dưới đây gọi là công ty liên kết gián tiếp):

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty cổ phần Đầu tư EduLand	Tp. Hà Nội	13,78%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 71,14% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty mẹ - công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ toàn bộ.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này, theo đó, Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoại mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc;
- c) Công ty ước tính giá trị hợp lý trong xác định giá trị của các khoản đầu tư trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con, được xác định trên cơ sở giá giao dịch gần nhất được xác định bởi tổ chức định giá và giá cổ phiếu phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (Tiếp theo)**

Đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thất lớn hơn số phân bổ hằng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, khi/là chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp Theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là đất sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao hàng năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học, chi phí khởi nghiệp ban đầu nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng. Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là tiền thu học phí của học sinh đã trả trước cho cả khóa học nhưng học sinh chưa hoàn thành khóa học, các khóa học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Câu thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp Theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Tiền mặt (i)	264.957.821.131	49.406.264.177
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.286.738.641	217.040.939.166
Các khoản tương đương tiền (ii)	150.000.000.000	-
Tiền đang chuyển (iii)	6.982.666.500	4.253.316.000
	443.227.226.272	270.700.519.343

Giải chú:

- (i) Tiền mặt tồn quỹ bao gồm tiền tại Văn phòng và các trung tâm tiếng Anh.
- (ii) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng
- (iii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản Công ty.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	43.688.817.852	12.710.477.316
Công ty TNHH Phúc Hưng	13.891.393.000	9.790.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	-
Các đối tượng khác	25.797.424.852	2.920.477.316
<i>b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	147.401.091.372	130.170.888.538
Công ty TNHH thương mại dịch vụ HN (i)	88.575.710.418	86.961.379.262
Công ty Cổ phần Kiến trúc Bộ Ba (ii)	32.813.046.949	29.313.366.695
Công ty cổ phần truyền thống Đại Hồng Phát	11.019.020.738	10.910.306.724
Các đối tượng khác	14.993.313.267	2.985.835.857
b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

Ghi chú:

- (i) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng nguyên tắc 65/2017/APAX-HN/HĐTC ký ngày 02/05/2017 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Nội.
 - Hợp đồng nguyên tắc số 80/2017/IGARTEN-HN/HĐTC ngày 02/08/2017 và các phụ lục kèm theo về việc thi công thiết kế nội thất cho các điểm trường mầm non Công ty đang triển khai.

Đồng thời Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình là các trung tâm tiếng anh và các điểm trường đã xây dựng hoàn thành, giá trị các công trình sẽ được ghi nhận tương ứng vào chi phí trích trước (như trình bày tại Thuyết minh số 18) theo dự toán xây dựng, sau đó khi có quyết toán tổng thể sẽ hạch toán bù trừ khoản trích trước chi phí với khoản trả trước cho người bán.

- (ii) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng nguyên tắc 23/1502/2016/HĐNT/GEG-BB ký ngày 15/2/2016 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba.
 - Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017/HĐNT/MAMNON-BB ngày 25/04/2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba và các phụ lục kèm theo.
 - Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017/APAX FA-BB ngày 18/12/2017 về việc thi công, lắp đặt nội thất tại điểm trường của Công ty.

Đồng thời Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình là các trung tâm tiếng anh và các điểm trường đã xây dựng hoàn thành, giá trị các công trình sẽ được ghi tương ứng vào chi phí trích trước (như trình bày tại Thuyết minh số 18) theo dự toán xây dựng, sau đó khi có quyết toán tổng thể sẽ hạch toán bù trừ khoản trích trước chi phí với khoản trả trước cho người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	57.761.691.909	-	121.338.226.955	-
Ký cược, ký quỹ (i)	19.121.056.575	-	22.900.000.000	-
Tạm ứng	3.413.633.668	-	1.736.278.847	-
Phải thu khác	35.227.001.666	-	96.701.948.108	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (ii)	20.051.210.000	-	45.457.000.000	-
- Ông Đặng Văn Dương	-	-	44.550.000.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú	3.956.825.218	-	682.759.941	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	494.340.484	-	524.540.484	-
- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy - Công ty liên kết gián tiếp (iii)	-	-	3.322.297.631	-
- Công ty cổ phần thiết bị giáo dục Eschool - Công ty liên kết gián tiếp (iii)	1.097.416.350	-	205.291.070	-
- CTCP Anh ngữ APAX Speedy - Công ty liên kết gián tiếp (iii)	4.659.539.794	-	1.341.609.794	-
- Công ty Cổ phần Studymet - Công ty liên kết gián tiếp	191.636.250	-	191.636.250	-
- Các đối tượng khác	2.776.033.564	-	426.812.938	-
b) Phải thu khác dài hạn	30.169.034.119	-	22.267.658.795	-
Ký cược, ký quỹ (iv)	30.169.034.119	-	22.267.658.795	-

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại BIDV Thanh Xuân đang dùng để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 20 - Vay và nợ thuế tài chính;
- (ii) Phải thu theo hợp đồng số 01/2017/HĐCN- IGARTEN ngày 09/10/2017;
- (iii) Phải thu do tiền mua hệ hàng hóa là balo, sách, tablet cho các Công ty trong công hệ thống;
- (iv) Chủ yếu là khoản ký cược, ký quỹ thuê các trung tâm.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	515.221.087	-	318.284.033	-
Hàng hoá	4.498.159.370	-	4.378.566.938	-
	5.013.380.457	-	4.896.850.971	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Ngân hạn	43.676.661.620	12.491.136.843
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	8.723.762.148	8.778.074.152
Chi phí công cụ dụng cụ	1.646.022.500	277.215.001
Chi phí ghi danh học sinh	17.107.500.000	-
Chi phí chương trình truyền hình ' Shark Tank Việt Nam- Thương Vụ Bạc tỷ'	11.000.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.199.376.972	3.435.847.690
b) Dài hạn	59.754.778.721	78.014.573.245
Chi phí mua bán quyền phần mềm	448.135.204	263.207.296
Chi phí thành lập doanh nghiệp	21.077.909.842	23.394.799.793
Chi phí đầu tư khởi nghiệp	14.457.122.980	20.918.207.571
Chi phí công cụ dụng cụ	7.869.915.313	9.752.993.496
Chi phí thi công nội thất	14.751.166.575	23.516.373.137
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.150.528.807	168.991.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	162.710.906.643	10.007.719.970	1.672.510.909	-	174.391.137.522
Tăng trong kỳ	1.943.542.200	47.400.000	1.137.785.699	99.821.000	3.228.548.899
Giảm khác	(167.204.312)	(19.985.700)	-	-	(187.190.012)
Số dư cuối kỳ	164.487.244.531	10.035.134.270	2.810.296.608	99.821.000	177.432.496.409
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	13.101.302.017	4.352.215.393	175.067.505	-	17.628.584.915
Khấu hao trong kỳ	14.450.238.943	1.564.744.192	94.113.231	6.852.018	16.115.948.384
Số dư cuối kỳ	27.551.540.960	5.916.959.585	269.180.736	6.852.018	33.744.533.299
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	149.609.604.626	5.655.504.577	1.497.443.404	-	156.762.552.607
Số dư cuối kỳ	136.935.703.571	4.118.174.685	2.541.115.872	92.968.982	143.687.963.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	145.939.266.075	95.456.203.523	1.828.853.777	243.224.323.375
Tăng trong kỳ	3.653.232.714	3.639.219.733	-	7.292.452.447
Giảm khác	-	(3.137.236.433)	-	(3.137.236.433)
Số dư cuối kỳ	149.592.498.789	95.958.186.823	1.828.853.777	247.379.539.389
GIÁ TRỊ HAO MÓN LUỸ KẾ				
Số dư đầu kỳ	-	9.317.575.504	707.101.723	10.024.677.227
Khấu hao trong kỳ	-	3.892.150.803	299.808.990	4.191.959.793
Số dư cuối kỳ	-	13.209.726.307	1.006.910.713	14.216.637.020
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	145.939.266.075	86.138.628.019	1.121.752.054	233.199.646.148
Số dư cuối kỳ	149.592.498.789	82.748.460.516	821.943.064	233.162.902.369

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỒ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản đồ đang dài hạn</i>		
Dự án Apex Leaders (i)	69.342.536.594	-
Dự án Khác	12.645.087.362	1.490.153.090
	81.987.623.956	1.490.153.090

Ghi chú:

- (i) Chi phí đầu tư xây dựng 05 trung tâm đào tạo tiếng anh theo chương trình học Apex Leader tại công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apex. Các trung tâm này thuộc khu vực phía Nam và dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Giá trị hợp lý (H)	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (G)	Giá trị hợp lý (H)
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (G)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (G)					
	VND	VND	VND	VND					
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Đầu tư vào công ty liên kết									
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	278.850.000.000	-	281.161.482.666	-	278.850.000.000	-	280.894.251.839	-	-
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	100.000.000.000	-	100.267.837.551	-	100.000.000.000	-	99.999.626.392	-	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	98.000.000.000	-	99.668.098.206	-	98.000.000.000	-	99.793.745.768	-	-
Công ty Cổ phần Studynet	78.890.000.000	-	79.265.546.909	-	78.890.000.000	-	79.138.881.679	-	-
	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	599.100.000	(78.813.000)	520.287.000	(91.323.000)	853.700.000		853.700.000		
Cổ phần ưu đãi									
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	125.100.000	(78.813.000)	46.287.000	(91.323.000)	125.100.000		125.100.000		125.100.000
Cổ phần ưu đãi nhiệm vụ									
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-	360.000.000	-	360.000.000		360.000.000		360.000.000
Công ty Cổ phần Viên thông - Tin học Bưu điện	-	-	-	-	254.600.000		254.600.000		254.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-	114.000.000		114.000.000		114.000.000
Cộng	279.449.100.000	(78.813.000)	281.681.769.666	(91.323.000)	279.703.700.000		281.747.953.819		

Ghi chú:

- i. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận như sau:
 - Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư
 - Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác: được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú:

- ii. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chỉ tiêu giá trị hợp lý như sau:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cổ phiếu chưa niêm yết để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính;

- iii. Báo cáo tài chính của các công ty liên kết gián tiếp cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 chưa được soát xét.

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty cổ phần Đầu tư EduLand	Tp. Hà Nội	13,78%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

15. LỢI THÊ THƯƠNG MẠI

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tại ngày đầu kỳ	540.893.488.162	-
Tăng trong kỳ	-	574.400.164.421
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(28.720.008.222)	(33.506.676.259)
Tại ngày cuối kỳ	512.173.479.940	540.893.488.162

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, được xác định như chính sách mô tả tại Thuyết minh số 4 và được xác định như sau:

(i) *Xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần công ty mẹ nắm giữ tại ngày đạt quyền kiểm soát*

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
Tổng tài sản của công ty con tại ngày mua	899.271.315.758
Nợ phải trả của công ty con tại ngày mua	512.315.324.329
Giá trị ghi sổ Tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	386.955.991.429
Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ	68,91%
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần Công ty mẹ nắm giữ tại ngày đạt quyền kiểm soát	266.642.443.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (Tiếp theo)

Ngày 20 tháng 06 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax từ 46,50% lên 68,91% với tổng chi phí lần mua cuối cùng là 340.821.000.000 VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax trở thành công ty con của Công ty. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax là đào tạo tiếng Anh tập trung tại các Trung tâm tiếng Anh với nhãn hiệu Apax English.

Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax không thuộc nhóm các công ty đại chúng, cổ phiếu của công ty con chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax tại ngày mua được xác định theo Báo cáo thẩm định giá tài sản số 17P01TD0680 ngày 15 tháng 08 năm 2017 do Công ty Thẩm định giá và Đầu tư tài chính Bưu điện phát hành.

Trong giá phí hợp nhất kinh doanh là 841.042.608.361 VND bao gồm 340.821.000.000 VND đã được thanh toán bằng tiền và 500.221.608.361 VND là giá trị hợp lý được xác định cho các lần Công ty mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với tổng tỷ lệ nắm giữ là 46,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con này.

(i) *Xác định lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua*

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua = 841.042.608.361 VND - 266.642.443.940 VND = 574.400.164.421 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 120 tháng (10 năm) kể từ tháng hợp nhất đầu tiên; Giá trị phân bổ kỳ này tương ứng 06 tháng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán	31.084.832.113	31.084.832.113	26.915.343.981	26.915.343.981
Chungdahm Learning, Inc	2.865.600.000	2.865.600.000	7.827.600.000	7.827.600.000
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	7.960.619.720	7.960.619.720	-	-
Công ty Cổ phần Giáo dục MVV	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
Công ty TNHH TM & sản xuất Tường Việt	1.436.116.642	1.436.116.642	716.308.692	716.308.692
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Hồng Phát	1.383.912.875	1.383.912.875	1.490.060.626	1.490.060.626
Các đối tượng khác	13.938.582.876	13.938.582.876	16.881.374.663	16.881.374.663
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	12.383.057.157	12.383.057.157	7.827.600.000	7.827.600.000
Chungdahm Learning, Inc - Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	2.865.600.000	2.865.600.000	7.827.600.000	7.827.600.000
Công ty cổ phần quản lý tài sản Dzambala	868.611.600	868.611.600	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup - Cổ đông lớn	7.960.619.720	7.960.619.720	-	-
Công ty Cổ Phần Anh Ngữ Apax English	688.225.837	688.225.837	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	810.261.042	3.741.016.049	2.264.718.116	2.286.558.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.985.632.661	11.229.496.073	26.364.885.504	6.850.243.230
Thuế thu nhập cá nhân	16.284.073.188	29.569.582.511	29.046.386.172	16.807.269.527
Các loại thuế khác	14.648.878.121	268.975.066	395.502.844	14.522.350.343
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	(3.109.746.123)	9.703.197.369	(12.812.943.492)
	53.728.845.012	41.699.323.576	67.774.690.005	27.653.478.583
b) Phải thu				
Các loại thuế khác	-	6.000.000	7.000.000	1.000.000
Cộng	-	6.000.000	7.000.000	1.000.000

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngắn hạn	117.437.186.232	80.874.714.505
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm (i)	72.397.965.956	77.156.009.277
Trích trước chi phí ghi danh học sinh (ii)	34.215.000.000	-
Trích trước chi phí sự kiện	6.600.000.000	-
Trích trước chi phí thuê văn phòng	1.261.374.537	2.113.056.580
Trích trước chi phí khác	2.962.845.739	1.605.648.648

Ghi chú:

- (i) Là giá trị tài sản ghi nhận tạm tăng tại các trung tâm và các trường mầm non như trình bày tại Thuyết minh số 7.
(ii) Khoản trích trước phí thường niên ghi danh học sinh tại Công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo hợp đồng với Chungdahm Learning, Inc về việc thu phí học đối với các học sinh.

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	206.052.401.493	251.925.203.534
Tiền học phí thu trước	206.052.401.493	251.925.203.534
b) Dài hạn	34.224.869.461	13.946.774.479
Tiền học phí thu trước	34.224.869.461	13.946.774.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>a) Ngân hàng</i>	3.605.333.658	4.310.607.999
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.462.345.599	1.791.943.685
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	798.653.650	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.344.334.409	2.518.664.314
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	659.727.157	1.735.062.157
- Bà Phạm Thị Lan Hương	-	558.133.333
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	222.412.932	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	30.200.000
- Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	9.500.000	-
- Các đối tượng khác	452.694.320	195.268.824
<i>b) Trong đó phải trả khác là các bên liên quan</i>	669.227.157	1.735.062.157
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	659.727.157	1.735.062.157
Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	9.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các chi tiết minh bạch và chi phí hợp thành và các chi phí được trình bày với đơn vị tiền tệ tính toán tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a1) Vay ngắn hạn</i>						
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	168.719.900.939	168.719.900.939	155.911.743.981	111.817.311.194	124.645.468.152	124.645.468.152
Trái phiếu phát hành	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Studynet - Công ty liên kết (i)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	7.800.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (ii)	148.719.900.939	148.719.900.939	138.711.743.981	89.975.285.138	99.983.442.096	99.983.442.096
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	4.002.026.056	4.002.026.056	4.002.026.056
Bà Thanh Vân (iii)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-
Ngô Trà My (iv)	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	-	-	-	60.000.000	60.000.000	60.000.000
a2) Nợ dài hạn đến hạn trả	28.467.967.208	28.467.967.208	16.489.516.712	6.471.516.712	18.339.967.208	18.139.967.208
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (v)	121.967.208	121.967.208	60.983.604	60.983.604	121.967.208	121.967.208
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (vi)	23.730.000.000	23.730.000.000	14.382.000.000	4.314.000.000	13.662.000.000	13.662.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (vii)	4.556.000.000	4.556.000.000	2.046.533.108	2.046.533.108	4.556.000.000	4.556.000.000
b) Vay dài hạn	54.178.311.940	54.178.311.940	9.062.440.537	16.489.516.712	61.605.388.115	61.605.388.115
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (v)	794.754.112	794.754.112	-	60.983.604	355.737.716	355.737.716
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (vi)	33.545.570.936	33.545.570.936	4.901.920.537	14.382.000.000	43.025.650.399	43.025.650.399
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (vii)	20.337.986.892	20.337.986.892	4.160.520.000	2.046.533.108	18.224.000.000	18.224.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015, lãi suất 0%, thời hạn vay đến 15/10/2018;
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/8674692/HĐTD ngày 02/06/2017, thời hạn vay từ ngày 02/06/2017 đến ngày 31/05/2018. Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND, lãi suất 7,8%/năm, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là bất động sản và hợp đồng tiền gửi của bà Nguyễn Thị Thu Hương và ông Nguyễn Ngọc Thủy; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty tại BIDV Thanh Xuân;
- (iii) Vay cá nhân theo hợp đồng số 26.06/2018/HĐVV/VAN-APAXHOLDINGS ngày 26/06/2018, hợp đồng vay thời hạn đến ngày 19/07/2018, lãi suất 0,014%/ngày, không có tài sản đảm bảo cho khoản vay;
- (iv) Vay cá nhân theo hợp đồng số 29.06/2018/HĐVV/MY-APAXHOLDINGS ngày 29/06/2018, hợp đồng vay thời hạn đến ngày 19/07/2018, lãi suất 0,014%/ngày, không có tài sản đảm bảo cho khoản vay;
- (v) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) theo Hợp đồng cho vay số 62/2016/HĐTD/THNC/01 ngày 14/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất từ ngày nhận nợ đến ngày 15/11/2017 là 7,9%/năm. Thời gian tiếp theo đến ngày 15/11/2021; Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,15%/năm.
- (vi) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2017/8674692/HĐTD ngày 29/09/2017. Thời hạn vay từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/09/2022. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND, lãi suất 10,4%/năm thay đổi 3 tháng/lần, mục đích bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản đảm bảo là bất động sản và 25 triệu cổ phần IBC thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup;
- (vii) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo các Thư cấp tín dụng trung và dài hạn số BFL/11-HN/MT; BFL/12-HN/MT; BFL/13-HN/MT và BFL/14-HN/MT ngày 21/12/2017, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn, mua bán quyền, giấy phép, chương trình học từ Công ty Chungdahim Learning Inc. Lãi suất: bằng chi phí vốn (%/năm) của ngân hàng trừ biên độ 0%/năm hoặc lãi suất đặc biệt được quy định theo thông báo rút vốn và giấy nhận nợ trong ngày rút vốn. Tài sản thế chấp cho các khoản vay gồm: 04 thửa đất và tài sản trên đất tại thành phố Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Lê Thị Thanh Hiền.

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	207.000.000.000	-
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	256.160.381	-
Chi phí phát hành trái phiếu	2.170.000.000	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu (1)	204.573.839.619	-
Cộng: giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	-	-
Số đầu kỳ	-	-
Số phân bổ tăng trong kỳ	545.959.085	-
Số cuối kỳ (2)	545.959.085	-
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ = (1) + (2)	<u>205.119.798.704</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)

Ngày 11/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - cấu phần nợ gốc được xác định theo lãi suất chiết khấu 10%/năm và định kỳ mỗi tháng sẽ phân bổ phần chênh lệch chi phí lãi trái phiếu tính trên lãi suất chiết khấu và lãi suất danh nghĩa vào cấu phần nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	313.010.600.000	-	-	-	-	-	11.566.005.214	-	-	-	-	324.576.605.214
Tăng vốn góp trong năm	375.789.400.000	90.074.070.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	465.863.470.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	160.216.172.955	-	10.925.221.145	-	-	171.141.394.100
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	-	-	-	-	-	-	172.360.551.203	-	-	172.360.551.203
Số dư đầu kỳ	688.800.000.000	90.074.070.000	-	-	-	-	171.782.178.169	-	183.285.772.348	-	-	1.133.942.020.517
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	5.524.676.901	-	5.105.480.246	-	-	10.630.157.147
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(68.880.000.000)	-	-	-	-	(68.880.000.000)
Tăng vốn góp trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Tăng khác (i)	-	-	-	-	-	256.160.381	-	-	-	-	-	256.160.381
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	-	(639.281.519)	-	(288.454.555)	-	-	(927.736.074)
Số dư cuối kỳ	688.800.000.000	90.074.070.000	-	256.160.381	-	107.787.573.551	206.102.798.039	-	1.093.020.601.971	-	-	1.093.020.601.971

Ghi chú: (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105824156 thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 688.800.000 VND trên cơ sở kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoàn thành ngày 04/8/2017, như sau:

- Phát hành thêm 30.078.940 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu, giá phát hành 10.000 VND/ cổ phiếu; Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu, theo tỷ lệ 1:0,96 (thời gian kết thúc việc đăng ký mua 05/06/2017: Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu cũ sẽ được mua 0,96 cổ phiếu mới);
- Phát hành 7.500.000 cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu, giá phát hành dự kiến 20.000 VND/ cổ phiếu; Đối tượng phát hành: Nhà đầu tư là tổ chức và cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy chế đấu giá.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	490.000.000.000	490.000.000.000	490.000.000.000	490.000.000.000
Các đối tượng khác	198.800.000.000	198.800.000.000	198.800.000.000	198.800.000.000
Cộng	688.800.000.000	688.800.000.000	688.800.000.000	688.800.000.000

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	688.800.000.000	313.010.600.000
- Vốn góp đầu kỳ	688.800.000.000	313.010.600.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	688.800.000.000	313.010.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	68.880.000.000	-
d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.880.000	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	68.880.000	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	68.880.000	68.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II/2018	Quý II/2017
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	230,132,323,508	71,938,805,926
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	111,272,688	1,014,792,000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	230,021,050,820	70,924,013,926
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	-	6,000,000,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	-	3,000,000,000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ - Cùng chủ sở hữu	-	1,500,000,000
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech - Cùng chủ sở hữu	-	1,500,000,000
	230,132,323,508	71,938,805,926
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	(16,100,000)	(434,500,000)
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	-	(434,500,000)
- Hàng bán bị trả lại	(16,100,000)	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	230,116,223,508	71,504,305,926

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý II/2018	Quý II/2017
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	22,430,424	220,200,462
Giá vốn cung cấp dịch vụ	143,920,045,218	16,610,097,915
	143,942,475,642	16,830,298,377

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II/2018	Quý II/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6,651,332,115	202,516,561
Lãi bán các khoản đầu tư	-	8,843,000,000
Doanh thu tài chính khác	-	99,051,608,361
	6,651,332,115	108,097,124,922

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II/2018	Quý II/2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	6,965,165,838	263,713,443
Lỗ chênh lệch tỷ giá	52,972,643	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(6,255,000)	87,570,000
Chi phí tài chính khác	47,630,357	204,746,612
	7,059,513,838	556,030,055

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II/2018	Quý II/2017
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	37,308,644,639	10,042,940,230
Chi phí dụng cụ đồ dùng	83,548,253	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	223,612,785	24,339,810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,890,374,678	2,906,507,971
Chi phí khác bằng tiền	1,367,429,441	1,266,180,901
Cộng	48,873,609,796	14,239,968,912
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	3,264,990,880	505,376,110
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	115,126,005	36,895,853
Thuế, phí và lệ phí	15,000,000	5,500,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,486,339,456	244,995,975
Lợi thế thương mại phân bổ	14,360,004,111	4,786,668,037
Chi phí bằng tiền khác	1,206,713,772	210,601,734
	25,448,174,224	5,790,037,709

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý II/2018	Quý II/2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5,615,226,660	9,622,610,124
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5,615,226,660	9,622,610,124

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý II/2018	Quý II/2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3,475,772,268	137,058,004,084
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,475,772,268	137,058,004,084
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	68,880,000	35,623,792
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50,46	3,847,59
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10,000	10,000

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và chia thành 03 miền: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam, nhưng tập trung chủ yếu ở Miền Bắc. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, các khu vực miền Nam, miền Trung phát sinh doanh thu không đáng kể (không quá 10% tổng doanh thu hợp nhất). Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý miền.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng. Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục chiếm 92,6%, doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng chiếm tỷ trọng 7,4%. Công ty lập không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	456.425.978.791	204.590.823.475
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(443.227.226.272)	(270.700.519.343)
Nợ thuần	13.198.752.519	-
Vốn chủ sở hữu	1.093.020.601.971	1.133.942.020.517
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,2%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.227.226.272	270.700.519.343
Phái thu khách hàng và phái thu khác	128.305.910.212	154.680.084.219
Đầu tư tài chính dài hạn	520.287.000	853.700.000
Tổng cộng	572.053.423.484	426.234.303.562
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	251.306.180.087	204.590.823.475
Phái trả người bán và phái trả khác	33.227.820.172	29.434.008.295
Chi phí phái trả	117.977.433.484	80.874.714.505
Tổng cộng	402.511.433.743	314.899.546.275

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đơn bảo tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tình không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phù trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.227.226.272	-	443.227.226.272
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.136.876.093	30.169.034.119	128.305.910.212
Đầu tư tài chính dài hạn	-	520.287.000	520.287.000
Tổng cộng	541.364.102.365	30.689.321.119	572.053.423.484
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	197.127.868.147	54.178.311.940	251.306.180.087
Phải trả người bán và phải trả khác	33.227.820.172	-	33.227.820.172
Chi phí phải trả	117.437.186.232	540.247.252	117.977.433.484
Tổng cộng	347.792.874.551	54.718.559.192	402.511.433.743
Chênh lệch thanh khoản thuần	193.571.227.814	(24.029.238.073)	169.541.989.741
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	270.700.519.343	-	270.700.519.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.412.425.424	22.267.658.795	154.680.084.219
Đầu tư tài chính dài hạn	-	853.700.000	853.700.000
Tổng cộng	403.112.944.767	23.121.358.795	426.234.303.562
Số đầu kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	29.434.008.295	-	29.434.008.295
Chi phí phải trả	80.874.714.505	-	80.874.714.505
Tổng cộng	253.294.158.160	61.605.388.115	314.899.546.275
Chênh lệch thanh khoản thuần	149.818.786.607	(38.484.029.320)	111.334.757.287

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác; Thuyết minh số 16 - Phải trả người bán; Thuyết minh số 20 - Phải trả khác; Thuyết minh số 24 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty còn có giao dịch với bên liên quan như sau:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành	505.547.650	375.908.667
	<u>505.547.650</u>	<u>375.908.667</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán; Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét.



12
Cố Hữu Lê Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập